

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám;

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 02/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm T, sinh năm 1986.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh TQ.

Địa chỉ: Số 222 ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Trương Văn U, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2. Bà Tạ Thị Ph, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Vào ngày 20/03/2019, vợ chồng ông Trương Văn U và bà Tạ Thị Ph cùng ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để vợ chồng ông U và bà Ph nuôi tôm.

Theo thỏa thuận ông T bán cho ông U và bà Ph các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Ông T giao hàng cho vợ chồng ông U và bà Ph tại kho hàng của Hộ kinh doanh TQ theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của vợ chồng ông U và bà Ph nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên vợ chồng ông U và bà Ph phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho ông T. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho vợ chồng ông U và bà Ph và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì ông T không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán: Vợ chồng ông U và bà Ph phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông T khi thu hoạch tôm, việc vợ chồng ông U và bà Ph nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp vợ chồng ông U và bà Ph không thanh toán hết phần công nợ cho ông T vào cuối vụ tôm, ông T có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông U và bà Ph phải thanh toán toàn bộ tiền hàng còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Tuy nhiên, vợ chồng ông U và bà Ph đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông T sau khi thu hoạch tôm. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 29/11/2019, ông U xác nhận còn nợ ông T số tiền 50.422.000 đồng.

Nay ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn U trả cho ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ số tiền nợ gốc là 50.422.000 đồng, tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 30/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rU một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Tạ Thị Ph trả số nợ cho nguyên đơn.

- Tại phiên hoà giải ngày 30/3/2021, ông Nguyễn Văn U trình bày:

Ông thống nhất là ông còn nợ Hộ kinh doanh TQ số tiền là 50.422.000 đồng do ông mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh TQ vào thời điểm năm 2019. Ông và bà Ph chung sống với nhau vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 thì ông và bà Ph không còn chung sống với nhau nữa, bà Ph đã có gia đình riêng. Khi mua thức ăn nuôi tôm thì mình ông mua và mình ông nuôi, bà Ph không có liên quan gì đến số nợ này.

Khi mua ông và Hộ kinh doanh TQ có ký hợp đồng mua bán, thỏa thuận về phương thức thanh toán thì ông có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ cho Hộ kinh doanh TQ khi thu hoạch tôm. Nhưng vào cuối vụ tôm thì ông nuôi bị lỗ nên

chưa trả đủ nợ cho Hộ kinh doanh TQ. Hiện nay ông không có khả năng trả cho Hộ kinh doanh TQ. Đối với phần lãi ông không đồng ý trả vì khi mua thức ăn nuôi tôm thì Hộ kinh doanh TQ đã tính tiền lời trong đó.

- Đối với bị đơn bà Tạ Thị Ph:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử nhưng bà Tạ Thị Ph vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bà Tạ Thị Ph nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Tạ Thị Ph theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trương Văn U đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Văn U.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trương Văn U có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ số tiền nợ gốc là 50.422.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 30/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do đại diện nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Tạ Thị Ph, không yêu cầu bà Tạ Thị Ph trả số nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Tạ Thị Ph.

Ông Trương Văn U đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông U vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Văn U.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trương Văn U trả số tiền nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông T gốc là 50.422.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/11/2019 (là sau ngày đối chiếu công nợ) cho đến khi hoàn trả hết nợ với lãi suất 10%/năm. Ông Trương Văn U đồng ý trả số tiền nợ gốc nhưng xin trả dần và không đồng ý trả tiền lãi vì cho rằng ông T bán thức ăn nuôi tôm đã có tiền lời rồi.

[3] Xét yêu cầu của ông Trịnh Cẩm T, yêu cầu ông Trương Văn U trả nợ gốc:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trương Văn U trả số tiền nợ gốc là 50.422.000 đồng. Ông Trương Văn U thừa nhận khi đối chiếu công nợ ông còn nợ ông T số tiền 50.422.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận ông Trương Văn U còn nợ ông Trịnh Cẩm T là người đại diện Hộ kinh doanh TQ số tiền nợ gốc là 50.422.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trịnh Cẩm T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Trương Văn U. Ông U đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông U chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông U còn nợ của ông T số tiền là 50.422.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm T yêu cầu ông U trả số tiền nợ 50.422.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 50.422.000 đồng từ ngày 30/11/2019 (là sau ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi hoàn trả hết nợ. Ông Trương Văn U không đồng ý trả lãi vì ông cho rằng khi bán thức ăn nuôi tôm thì ông T đã tính tiền lời trong đó rồi nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý với ý kiến bị đơn, đại diện nguyên đơn trình bày tiền nợ 50.422.000 đồng là nợ gốc và yêu cầu bị đơn trả lãi theo như yêu cầu khởi kiện. Ông U cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 50.422.000 đồng là đã tính tiền lời trong đó, nên ý kiến của ông U là không có cơ sở chấp nhận.

Theo hợp đồng mua bán hàng hoá giữa ông Trịnh Cẩm T là người đại diện Hộ kinh doanh TQ và ông Trương Văn U thì hai bên không thỏa thuận lãi, nên nay ông Trịnh Cẩm T yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 30/11/2019, sau ngày đối chiếu công nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày 30/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2021 cụ thể như sau: $50.422.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 7.899.445 \text{ đồng}$.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 58.321.445 đồng, trong đó nợ gốc là 50.422.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 7.899.445 đồng và ông Trương Văn U còn phải chịu lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ.

[5] Xét ý kiến của bị đơn ông Trương Văn U: Ông U trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn không có khả năng trả nợ và yêu cầu trả dần nợ gốc

nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy ý kiến trình bày của ông U là không có cơ sở chấp nhận.

Ông U trình bày, ông và bà Ph chung sống với nhau năm 2000, không đăng ký kết hôn. Nhưng vào năm 2016 thì ông và bà Ph không còn chung sống với nhau nữa, bà Ph đã có gia đình riêng. Khi mua thức ăn nuôi tôm thì mình ông mua và mình ông nuôi, bà Ph không có liên quan gì đến số nợ này, hơn nữa nguyên đơn không yêu cầu bà Ph trả số nợ cùng ông U nên Hội đồng xét xử buộc ông U trả số nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trương Văn U trả tổng số tiền là 58.321.445 đồng và lãi chậm trả cho đến khi bị đơn Trương Văn U trả hoàn tất nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trương Văn U phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Tạ Thị Ph trả số nợ.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn U trả số nợ.

[3] Buộc bị đơn ông Trương Văn U phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là người đại diện Hộ kinh doanh TQ tổng số tiền là 58.321.455 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 50.422.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 7.899.445 đồng).

[4] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là đại diện Hộ kinh doanh TQ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.408.000 đồng (một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009246 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trương Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.916.072 đồng (hai triệu chín trăm mười sáu nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến